

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TML24B1
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tiếng anh(4)	An toàn lao động điện lạnh(2)	Cơ sở kỹ thuật nhiệt lạnh(3)	Điện tử căn bản(5)	Tiếng anh chuyên ngành(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2455202050531	Nguyễn Thanh Gia	An	30/12/2009	5.5	6.4	9.3	5.9	6.7	6.6	Trung bình
02	2455202050532	Nguyễn Huỳnh Quốc	Anh	18/04/2009	5.0	3.2	0.8	5.6	5.0	4.2	Yếu
03	2455202050533	Lê Chí	Bảo	16/09/2009	3.7	4.3	0.8	5.6	5.0	4.0	Yếu
04	2455202050534	Trần Duy Phước	Bảo	29/03/2009	5.3	4.8	7.5	5.9	5.0	5.8	Trung bình
05	2455202050535	Lâm Khánh	Duy	07/01/2009	5.8	6.2	7.1	5.9	7.0	6.3	Trung bình
06	2455202050536	Nguyễn Ngọc Thanh	Duy	09/11/2009	5.3	5.6	5.0	6.8	7.1	6.0	Trung bình
07	2455202050537	Nguyễn Thành	Đạt	26/08/2009	5.0	5.9	1.0	5.0	5.0	4.4	Yếu
08	2455202050538	Lê Hải	Đăng	06/10/2009	3.6	6.2	5.5	5.7	5.6	5.2	Trung bình
09	2455202050539	Lê Hồng	Đầy	27/08/2009	5.5	5.3	6.8	5.3	6.7	5.8	Trung bình
10	2455202050540	Nguyễn Hà	Hiếu	09/08/2008	5.8	7.1	8.5	6.3	6.8	6.8	Trung bình
11	2455202050541	Phạm Tuấn	Huy	09/04/2008	6.7	6.4	7.9	5.8	7.0	6.6	Trung bình
12	2455202050542	Nguyễn Bảo	Hung	25/07/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
13	2455202050543	Nguyễn Hoàng	Khải	24/07/2009	5.7	6.9	7.2	5.6	5.9	6.1	Trung bình
14	2455202050544	Trần Thế	Khải	12/09/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
15	2455202050545	Bùi Tuấn	Khang	09/09/2009	6.8	5.7	6.5	5.6	7.0	6.3	Trung bình
16	2455202050546	Huỳnh Hữu	Kháng	21/10/2009	6.7	6.2	5.6	5.7	7.6	6.2	Trung bình
17	2455202050547	Phan Lê Bảo	Khanh	03/10/2009	7.2	5.7	5.6	6.5	8.2	6.6	Trung bình
18	2455202050548	Nguyễn Anh	Khoa	23/02/2009	6.6	6.6	4.5	5.8	7.5	6.1	Trung bình
19	2455202050549	Nguyễn Liêu Nhựt	Mỹ	06/04/2009	6.4	7.0	7.3	5.9	7.7	6.7	Trung bình
20	2455202050550	Nguyễn Công Kỳ	Nam	27/02/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
21	2455202050551	Trần Hoàng	Nguyên	09/03/2009	5.8	6.3	8.3	7.7	7.4	7.1	Khá

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tiếng anh(4)	An toàn lao động điện lạnh(2)	Cơ sở kỹ thuật nhiệt lạnh(3)	Điện tử căn bản(5)	Tiếng anh chuyên ngành(2)	Điểm TB	Xếp loại
22	2455202050552	Trương Thanh	Phát	15/08/2009	5.0	5.2	0.6	5.6	5.3	4.4	Yếu
23	2455202050553	Nguyễn Kim Thanh	Phong	23/02/2009	5.0	4.3	1.0	5.3	5.0	4.3	Yếu
24	2455202050554	Võ Huỳnh Thanh	Phúc	16/06/2009	7.3	6.6	5.3	5.4	8.2	6.4	Trung bình
25	2455202050555	Nguyễn Vũ	Phương	07/05/2009	5.0	6.4	6.0	5.6	6.8	5.8	Trung bình
26	2455202050556	Nguyễn Duy	Thanh	07/05/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
27	2455202050557	Bùi Hữu	Thạnh	17/11/2009	6.9	5.3	6.2	6.3	8.5	6.6	Trung bình
28	2455202050558	Nguyễn Xuân	Thắng	07/11/2009	5.7	4.9	7.6	5.4	7.9	6.1	Trung bình
29	2455202050559	Phạm Hồng	Thắng	15/11/2009	5.6	6.1	5.9	5.1	6.5	5.7	Trung bình
30	2455202050560	Võ Ngọc	Thiệu	27/10/2009	5.0	4.6	0.5	5.6	5.5	4.4	Yếu
31	2455202050561	Lê Quốc	Thịnh	20/08/2008	6.9	6.6	7.2	6.5	8.1	6.9	Trung bình
32	2455202050562	Trần Lê Bảo	Toàn	28/07/2009	6.6	6.4	7.6	5.6	7.2	6.5	Trung bình
33	2455202050563	Võ Ngọc	Tốt	16/04/2009	5.5	6.8	7.9	5.9	6.8	6.4	Trung bình
34	2455202050564	Mai Quang	Tuấn	08/01/2009	5.0	5.4	5.3	5.8	7.1	5.6	Trung bình
35	2455202050565	Lê Trọng	Tứ	17/06/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
36	2455202050566	Nguyễn Quang Triều	Vỹ	16/04/2009	5.7	5.5	5.9	5.6	7.0	5.8	Trung bình

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 06 tháng 02 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái